

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/HC-ST

Ngày: 26-02-2021

V/v khiếu kiện quyết định thu hồi
giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Bùi Thị Nguyễn

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Võ Văn Ngân

+ Bà Lê Thị Việt Kiều.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: bà Trần Phan Ý Vy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: bà Lương Thúy Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hành chính thụ lý số: 33/2020/TLST-HC, ngày 23/10/2020 về việc: “*Khiếu kiện quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXXST-HC, ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* ông Nguyễn Hùng H, sinh năm 1971;

Nơi cư trú: số 2, đường V, phường T, quận N, thành phố C; số điện thoại: 0985.599.xxx.

Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Hùng H là ông Hứa Hoàng C, sinh năm 1956, đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 28/7/2020).

Nơi cư trú: số 1, đường T, phường M, thành phố L, tỉnh A; số điện thoại: 0983.382.xxx.

- *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân thị xã T, tỉnh An Giang.

Địa chỉ: đường T, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân thị xã T là ông Đặng Văn N – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã T đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 07/UQ-UBND ngày 05/01/2021).

Tại phiên tòa, có mặt: ông Hứa Hoàng C; vắng mặt: Ủy ban nhân dân thị xã T (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Người khởi kiện: ông Nguyễn Hùng H trình bày:

Ông H được Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt UBND) thị xã T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt GCNQSDĐ) diện tích đất 1.586m² (đất ở + CLN) tại khóm Long Quới B, phường L, thị xã T có nguồn gốc: ông Nội là Nguyễn Văn Đ tạo lập, để lại cho cha của Ông H là ông Nguyễn Trung T thừa hưởng.

Năm 2001, thực hiện chủ trương cấp GCNQSDĐ đại trà, ông T được UBND thị xã T cấp GCNQSDĐ số 02618/cĐ, ngày 24/6/2002, không có tranh chấp.

Ngày 03/5/2006, ông T làm Đơn xin cấp lại, cấp đổi GCNQSDĐ với lý do: *“Trong quá trình di dời nhà, sơ ý làm rơi GCNQSDĐ xuống nước làm phai màu con dấu của UBND huyện T”*.

Ngày 18/5/2006, ông T được UBND huyện T cấp đổi lại GCNQSDĐ có cùng số 02618/cĐ.

Năm 2010, ông T chết.

Ngày 10/9/2011, Ông H được các đồng thừa kế lập Văn bản phân chia tài sản thừa kế đối với diện tích đất 1.586,0m² trong GCNQSDĐ số 02618/cĐ, ngày 03/5/2006, của ông T. Văn bản có chứng thực của UBND phường L, thị xã T.

Ngày 14/10/2011, Ông H được UBND thị xã T cấp GCNQSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 19402618, Thửa đất số 120, Tờ bản đồ số 11, diện tích 1.586,0m².

Do trên đất có nhà của Trần Thị Th ở nhờ lâu năm và lấn chiếm mở rộng, nên Ông H có thương lượng hỗ trợ cho bà Th di dời nhà để Ông H nhận lại đất, nhưng không thương lượng được.

Ông H khởi kiện vụ án dân sự tại Tòa án nhân dân thị xã T. Tòa án nhân dân thị xã T đã thụ lý vụ án và đưa UBND thị xã T vào tham gia với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Do vụ án phức tạp, kéo dài, nhiều lần Tòa án nhân dân thị xã T phải tạm ngừng phiên tòa để thu thập thêm chứng cứ.

Trong quá trình chờ Tòa án nhân dân thị xã T xét xử thì UBND thị xã T ra Quyết định số: 2884/QĐ.UBND, ngày 02/7/2020 thu hồi GCNQSDĐ số CH 9402618, ngày 14/10/2011 đã cấp cho ông Nguyễn Hùng H (sau đây viết tắt Quyết định số: 2884/QĐ.UBND). Lý do thu hồi: hồ sơ cấp GCNQSDĐ của ông T đứng

trình tự, đúng đối tượng, nhưng về thủ tục chưa đảm bảo vì trên đất có nhà của bà Trần Thị Th, nhưng chưa có sự thỏa thuận của bà Th với ông T, bà Th chưa đồng ý cho ông T đăng ký cấp quyền sử dụng đất có diện tích nhà của bà Th đang cất trên đất.

Việc UBND thị xã T ban hành Quyết định số: 2884/QĐ.UBND là trái pháp luật, nên Ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang hủy Quyết định số: 2884/QĐ.UBND.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thị xã T trình bày ý kiến tại Văn bản số 08/UBND-NC, ngày 05/01/2021 Về việc cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, như sau:

Nguồn gốc đất của ông Nguyễn Hùng H đang sử dụng và tranh chấp với bà Trần Thị Th là của ông Nguyễn Trung T, sinh năm 1940.

Năm 2001, Nhà nước tổ chức đo đạc cấp GCNQSDĐ ở tập trung cho xã L (nay phường L), ông T kê khai đăng ký và được UBND huyện T (nay là thị xã T) cấp GCNQSDĐ số: 02618.QSDĐ/cD, ngày 24/6/2002, tổng diện tích 1.586 m² loại đất ở + cây lâu năm, khu đất tại khóm Long Quới B, phường L, thị xã T.

Hồ sơ cấp GCNQSDĐ của ông T được thực hiện đúng trình tự, trong quá trình đo đạc, đăng ký xét duyệt đến khi cấp GCNQSDĐ đất không có phát sinh tranh chấp.

Tuy nhiên, tại thời điểm đo đạc cấp GCNQSDĐ cho ông Nguyễn Trung T, trên khu đất đã có căn nhà của bà Trần Thị Th ở từ trước năm 1975, nhưng không có tờ thỏa thuận giữa ông Nguyễn Trung T và bà Trần Thị Th và ông T cũng không có yêu cầu bà Th di dời nhà.

Sau khi ông T và bà M (là mẹ của Ông H) chết năm 2002 và năm 2010, đến năm 2011 anh, em Ông H tự thuận phân chia di sản Ông H được phân chia tài sản tổng diện tích đất 1.586 m², đã được UBND thị xã T cấp GCNQSDĐ đất số: CH19402618, ngày 14/10/2011, loại đất ở + cây lâu năm, khu đất tại khóm Long Quới B, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang, trên khu đất vẫn có căn nhà của bà Trần Thị Th.

Năm 2013, Ông H yêu cầu bà Th phải tháo dỡ, di dời nhà trả lại đất thuộc quyền sử dụng đất của ông.

Hồ sơ cấp GCNQSDĐ của ông Nguyễn Trung T là dạng cấp giấy CNQSD đất ở tập trung, hồ sơ đăng ký rất nhiều, vì vậy trong quá trình kiểm tra hồ sơ có sai sót chưa đảm bảo về phần thủ tục.

Căn cứ điểm b, khoản 02 Điều 25 của Nghị định số: 88/NĐ-CP, ngày 19/10/2009 của Chính phủ, về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Đính chính và thu hồi giấy chứng nhận đã cấp cho ông Nguyễn Trung T, sinh năm 1940 GCNQSDĐ số: H2618cD, cấp ngày 18/5/2006 (đã cấp đổi lại năm 2006) tổng diện tích 1.586 m² loại đất ở + cây lâu năm và GCNQSDĐ của ông Nguyễn Hùng H, số CH19402618, ngày 14/10/2011

tổng diện tích 1.586 m², loại đất ở + cây lâu năm, nhận thừa kế của ông Nguyễn Trung T.

Việc UBND thị xã T thu hồi GCNQSDĐ của ông Trần Trung T đã chuyển quyền lại cho ông Nguyễn Hùng H là đúng pháp luật. Do đó UBND thị xã T xin phép vắng mặt dự các cuộc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, đối thoại và xét xử.

Tại phiên tòa,

- Ông Hứa Hoàng C đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Hùng H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày bổ sung lý do yêu cầu hủy Quyết định số 2884/QĐ-UBND :

+ Ông H khởi kiện bà Trần Thị Th tại Tòa án nhân dân thị xã T trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân thị xã T đã đưa UBND thị xã T vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì lẽ ra UBND xã T để Tòa án xem xét luôn việc cấp GCNQSDĐ đúng hay sai. UBND xã T lại ra Quyết định số 2884/QĐ-UBND làm cho vụ án dân sự bị tạm đình chỉ kéo dài;

+ Quyết định số 2884/QĐ-UBND không nêu cụ thể điểm, khoản, điều của các văn bản quy phạm pháp luật để thu hồi GCNQSDĐ, chỉ nêu tên của các văn đó là chưa chính xác.

+ Việc thu hồi GCNQSDĐ theo quy định của Nghị định 43/1014/NĐ-CP thì phải có kết luận của cơ quan Thanh tra cùng cấp. Văn bản của Văn phòng Đăng ký đất – Chi nhánh T gửi UBND thị xã T có nêu báo cáo đến Thanh tra thị xã T để xem xét, thẩm tra lại hồ sơ cấp GCNQSDĐ của ông T, nhưng hồ sơ UBND thị xã T gửi cho Tòa án không có kết luận của cơ quan Thanh tra;

+ Biên bản đo đạc xác định ranh giới sử dụng đất ngày 14/7/2001 không thể hiện trên đất có nhà của bà Th.

+ Văn bản số 08/UBND-NC, ngày 05/01/2021 của UBND thị xã T V/v cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án lại nêu căn cứ Nghị định 88/2009/NĐ-CP để thu hồi GCNQSDĐ của Ông H trong khi Quyết định số 2884/QĐ-UBND không đề cập đến Nghị định 88/2009/NĐ-CP; Văn bản này nêu bà Th có nhà trên đất từ trước năm 1975 là không chính xác vì trong quá trình giải quyết vụ án dân sự, bà Th trình bày cất nhà trên đất từ năm 1980.

+ Việc cấp GCNQSDĐ cho ông T không đúng là do sai sót của UBND trong việc kiểm tra hồ sơ, nên không thể đổ hết trách nhiệm cho ông T trong việc này.

+ Việc UBND thị xã T xin vắng mặt suốt quá trình tố tụng trong khi văn bản nêu ý kiến về vụ án không rõ ràng, áp dụng điều luật chưa chính xác, cung cấp tài liệu chứng cứ chưa đầy đủ trong việc ban hành quyết định thu hồi đất. Đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa để phiên tòa sau có mặt người đại diện UBND trả lời những vấn đề cần làm rõ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu quan điểm:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đúng theo quy định của pháp luật.

+ Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính. UBND thị xã T xin vắng mặt tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt HĐXX) tiến hành phiên tòa vắng mặt UBND thị xã T

+ Về nội dung giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hùng H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[2]. Việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: UBND thị xã T có yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa, nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt UBND thị xã T theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Luật Tố tụng hành chính. Do đó, không chấp nhận yêu cầu của ông Hứa Hoàng C về việc hoãn phiên tòa.

[3]. Về thẩm quyền giải quyết: ông Nguyễn Hùng H khởi kiện Quyết định số: 2884/QĐ-UBND do UBND thị xã T ban hành, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 4, Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính.

[4]. Về thời hiệu khởi kiện: đối tượng khởi kiện là Quyết định số: 2884/QĐ-UBND được ban hành ngày 02/7/2020. Đến ngày 29/7/2020, Ông H nộp Đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh An Giang là trong thời hạn 01 năm được quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính, nên được thụ lý giải quyết.

[5]. Về việc ủy quyền: Ông H ủy quyền cho ông Hứa Hoàng C; Chủ tịch UBND thị xã T ủy quyền cho ông Đặng Văn N – Phó Chủ tịch UBND thị xã T tham gia tố tụng. Nhận thấy, việc ủy quyền này phù hợp với quy định tại khoản 3, Điều 60 của Luật Tố tụng hành chính, nên được Tòa án chấp nhận.

[6]. Về thủ tục tố tụng: ông Đặng Văn N được Chủ tịch UBND thị xã T ủy quyền tham gia tố tụng, nhưng xin vắng mặt suốt quá trình tố tụng, nên Tòa án lập Biên bản về việc không tiến hành đối thoại được theo quy định tại khoản 1, Điều 135 của Luật Tố tụng hành chính.

[7]. Về nội dung: Ông H khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 2884/QĐ-UBND.

[8]. Xem xét tính hợp pháp của Quyết định số: 2884/QĐ-UBND, HĐXX xét thấy:

[9]. Về thẩm quyền ban hành Quyết định: đất của Ông H do UBND thị xã T cấp GCNQSDĐ, nên UBND thị xã T ra quyết định thu hồi GCNQSDĐ là đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 3, Điều 106 của Luật Đất đai 2013.

[10]. Về trình tự, thủ tục ban hành Quyết định: UBND thị xã T khi phát hiện GCNQSDĐ của ông T và Ông H được cấp trái pháp luật, nên ban hành Quyết định số 2884/QĐ-UBND thu hồi GCNQSDĐ theo Tờ trình số của Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã T mà không giao cơ quan Thanh tra xác minh thẩm định lại việc cấp GCNQSDĐ đã cấp cho Ông H là đúng quy định tại điểm b, khoản 4 Điều 87 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai đã được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 01/2017/NĐ-CP, ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai (Sau đây viết tắt Nghị định số 43/2014/NĐ-CP). Trong trường hợp này, lẽ ra khi phát hiện Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật về đất đai thì UBND thị xã T phải thông báo cho người sử dụng đất biết rõ lý do và quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định; việc UBND thị xã T không ban hành thông báo cho người sử dụng đất biết việc cấp GCNQSDĐ là sai khi ban hành Quyết định thu hồi GCNQSDĐ của Ông H là chưa đúng quy định tại điểm b, khoản 4 Điều 87 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP. Tuy nhiên, khi ban hành Quyết định thu hồi GCNQSDĐ của Ông H UBND thị xã T đã giao cho Ông H biết để thực hiện quyền khiếu nại, quyền khởi kiện, nên quyền lợi của Ông H đã được đảm bảo.

[11]. Về việc thu hồi GCNQSDĐ của Ông H khi Tòa án đang giải quyết vụ án dân sự, HĐXX xét thấy Luật Đất đai không giới hạn thời gian thu hồi GCNQSDĐ, nên cơ quan có thẩm quyền cấp GCNQSDĐ có quyền thu hồi GCNQSDĐ bất cứ thời điểm nào.

[12]. Về nội dung Quyết định số: 2884/QĐ-UBND, HĐXX xét thấy:

[13]. Về thời gian bà Th có nhà trên đất dù trước năm 1975 hay năm 1980 thì nhà của bà Trần Thị Th cũng đã tồn tại trên đất trước thời điểm UBND thị xã T lập thủ tục cấp GCNQSDĐ lần đầu cho ông Nguyễn Trung T năm 2002, nhưng hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho ông T không có ý kiến của bà Th đối với diện tích đất có nhà của bà. Ngoài ra, hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho ông T không thể hiện trên đất có nhà của bà Th. Như vậy, hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho ông T không đúng về thủ tục và không đúng thực tế hiện trạng có nhà bà Th trên đất. Lẽ ra, UBND thị xã T phải ban hành quyết định thu hồi GCNQSDĐ của ông T. Tuy nhiên, khi Ông H làm thủ tục chuyển tên quyền sử dụng đất từ ông T sang Ông H do nhận thừa kế thì thực tế GCNQSDĐ của ông T đã được thu hồi theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 106 của Luật Đất đai, nên trường hợp này không cần thiết phải ban hành quyết định thu hồi GCNQSDĐ của ông T.

[14]. Đối với GCNQSDĐ của Ông H được cấp từ việc nhận thừa kế của ông T. Việc cấp đổi GCNQSDĐ từ ông T sang Ông H được thực hiện đúng trình tự thủ tục. Tuy nhiên, Ông H là con ông T, biết căn nhà của bà Th đã có trên đất trước khi ông T được cấp GCNQSDĐ, nhưng vẫn nhận thừa kế và chuyển quyền sử dụng đất kể cả diện tích đất có nhà của bà Th, nên không thuộc trường hợp người thứ ba ngay tình được bảo vệ.

[15]. Do đó, việc UBND thị xã T ban hành Quyết định số: 2884/QĐ-UBND thu hồi GCNQSDĐ của Ông H là đúng quy định tại điểm d, khoản 2, Điều 106 của Luật Đất đai.

[16]. Tuy nhiên, UBND thị xã T cần phải rút kinh nghiệm:

[17]. + Quyết định số: 2848/QĐ-UBND không ghi cụ thể điểm, khoản, điều của các văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng để thu hồi GCNQSDĐ là có thiếu sót, nhưng thiếu sót này không ảnh hưởng đến quyền lợi của Ông H nên chỉ giới thiệu UBND thị xã T rút kinh nghiệm để khắc phục.

[18]. + Văn bản số 08 của UBND thị xã T nêu ý kiến về việc thu hồi GCNQSDĐ căn cứ Nghị định số: 88/2009/NĐ-CP trong khi tại thời điểm ban hành Quyết định số: 2848/QĐ-UBND thì Nghị định số: 88/2009/NĐ-CP không còn hiệu lực và Quyết định số: 2848/QĐ-UBND không có căn cứ vào Nghị định số: 88/2009/NĐ-CP, nên rút kinh nghiệm UBND thị xã T trong việc áp dụng pháp luật và khi có ý kiến với Tòa án về vụ án.

[19]. Từ nhận định trên thấy rằng việc ban hành Quyết định số: 2884/QĐ-UBND có thiếu sót về thủ tục, nhưng việc thiếu sót đó không làm thay đổi bản chất của sự việc, nên không cần thiết phải hủy Quyết định số: 2884/QĐ-UBND mà chỉ giới thiệu để UBND thị xã T rút kinh nghiệm.

[20]. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hùng H đối với Quyết định số: 2884/QĐ-UBND.

[21]. Đối với đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định nêu trên, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[22]. Về án phí Hành chính sơ thẩm: ông Nguyễn Hùng H phải chịu 300.000đ án phí hành chính sơ thẩm, được trừ qua tiền tạm ứng án phí đã nộp

[23]. Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ: khoản 1, Điều 30; khoản 4, Điều 32; điểm a, khoản 1, Điều 193; khoản 1, Điều 206 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 32 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Tuyên xử:

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hùng H đối với Quyết định số: 2884/QĐ-UBND, ngày 02/7/2020 của Ủy ban nhân dân thị xã T về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Về án phí hành chính sơ thẩm: ông Nguyễn Hùng H phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hành chính sơ thẩm, được trừ qua 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số: TU/2019/0005777, ngày 20/10/2020

của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Ông H đã nộp đủ án phí hành chính sơ thẩm.

- Về thời hạn kháng cáo:

+ Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

+ Ủy ban nhân dân thị xã T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Bản án được giao hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Cục THADS tỉnh An Giang (khi Bản án có hiệu lực).
- UBND tỉnh An Giang (khi Bản án có hiệu lực)
- Lưu: HS; Tòa Hành chính; Văn phòng; Phòng KTNV-THA;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Bùi Thị Nguyễn